

Số: 91/2026/QĐST-HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 82/2026/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2026, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị X**, sinh ngày 22/9/1995; Căn cước công dân số 015195008523 do Cục trưởng Cục Q về trật tự xã hội cấp ngày 20/5/2025.

HKTT: TDP 1, phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên

Tạm trú: TDP 3, phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Phi L**, sinh ngày 08/11/1993; Căn cước công dân số 019093005502 do Cục trưởng Cục Q về trật tự xã hội cấp ngày 09/5/2021.

HKTT: TDP 1, phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên

Tạm trú: TDP 3, phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTWQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 3 năm 2026

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7(bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Phi L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Phi L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn;

- Về con chung: Chị X và anh L có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật M, sinh ngày 24/7/2021. Khi ly hôn hai bên thỏa thuận: Chị X được trực tiếp nuôi

dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Nhật M cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác. Anh L có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị X là 2.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác.

Chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Phi L thống nhất thực hiện việc giao và nhận tiền cấp dưỡng nuôi con vào ngày 05 dương lịch hàng tháng, thời gian bắt đầu thực hiện từ ngày 05/4/2026.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị X tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con nộp vào Ngân sách Nhà nước được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000820 ngày 04/3/2026 tại Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND KV2-TN;
- Thi hành án DS tỉnh TN;
- Các đương sự;
- UBND P. Bá Xuyên, TN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thùy Dung

